

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02228**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh chuyên ngành**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020640	Trần Gia	An	30/06/2009			9	4.0	5.0			6.0		5.8
2	2454801020641	Nguyễn Thái	Bảo	29/05/2009			9	7.0	8.0			3.0		4.9
3	2454801020642	Chuong Hải	Đăng	05/09/2009			8	6.0	6.0			4.5		5.3
4	2454801020643	Mo Ha Med A Ry	Fine	03/07/2009			7	6.0	6.0			8.5		7.6
5	2454801020644	Nguyễn Lý Phước	Hậu	01/11/2009			10	8.0	8.0			8.8		8.6
6	2454801020645	Hiếu Văn Huy	Hoàng	29/08/2009			4	5.0	7.0			8.0		7.0
7	2454801020646	Lê Hoàng	Kha	21/10/2009			10	6.0	7.0			8.5		8.0
8	2454801020647	Trần Minh	Kha	09/05/2009			10	10.0	10.0			8.5		9.1
9	2454801020648	Trần Huy	Khang	20/03/2009			8	5.0	6.0			5.5		5.7
10	2454801020649	Bùi Quang	Long	20/04/2009			7	6.0	5.0			4.0		4.7
11	2454801020650	Dương Hoàng	Long	04/08/2000			10	8.0	8.0			6.0		7.0
12	2454801020651	Phạm Minh	Long	04/06/2009			8	4.0	5.0			5.0		5.1
13	2454801020652	Nguyễn Quang	Minh	18/05/2009			10	6.0	7.0			6.8		7.0
14	2454801020653	Lê Nhật	Nam	11/04/2009			8	6.0	6.0			7.3		6.9
15	2454801020654	Nguyễn Thị Trường	Nghi	11/10/2009			10	6.0	7.0			6.8		7.0
16	2454801020655	Nguyễn Khôi	Nguyễn	01/09/2009			10	7.0	8.0			8.0		8.0
17	2454801020656	Ngô Minh	Nhật	25/03/2009			8	8.0	8.0			8.8		8.5
18	2454801020657	Ngô Nguyễn Tiến	Phát	18/07/2009			8	5.0	6.0			5.0		5.4
19	2454801020658	Lê Hoàng	Quân	11/09/2009			0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
20	2454801020659	Lê Nguyễn Hoàng	Quân	14/02/2005			0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
21	2454801020660	Lê Nguyễn Việt	Thái	15/04/2009			10	7.0	6.0			7.3		7.3
22	2454801020661	Lý Toàn	Thắng	30/04/2009			5	4.0	6.0			6.5		5.9
23	2454801020662	Phan Chí	Thiện	08/12/2009			9	4.0	5.0			5.0		5.2
24	2454801020663	Thái Bảo	Thịnh	25/08/2009			7	4.0	5.0			5.8		5.5
25	2454801020664	Châu Nguyễn Huy	Thông	27/09/2009			6	5.0	5.0			5.5		5.4
26	2454801020665	Nguyễn Viễn	Thông	15/07/2009			0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
27	2454801020666	Lưu Huỳnh Quang	Thuận	12/09/2009			8	8.0	8.0			6.0		6.8
28	2454801020667	Trần Trung	Tín	04/10/2009			10	8.0	7.0			6.5		7.1
29	2454801020668	Huỳnh Thành	Tính	07/04/2009			0	0.0	0.0			0.0		0.0
30	2454801020669	Huỳnh Văn	Trí	06/12/2009			9	6.0	6.0			6.0		6.2
31	2454801020670	Nguyễn Minh	Triết	02/03/2009			0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
32	2454801020671	Dương Quốc	Trung	18/02/2009			0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
33	2454801020672	Nguyễn Hoàng	Tỷ	18/08/2009			7	7.0	7.0			6.0		6.4
34	2454801020673	Nguyễn Quang	Vinh	29/04/2009			10	7.0	7.0			7.3		7.4
35	2454801020674	Nguyễn Trường	Vũ	30/04/2008			5	4.0	6.0			6.0		5.6

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 7 tháng 2 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trịnh Bửu Uyển